

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2024

“V/v: Kiện ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường

Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Lương Tú Huân và ông Bùi Hoàng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E: Ông Phan Đình Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/TB-TA, ngày 01/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ea T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ea T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Q và bà N chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea T, trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q và bà N bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, thương xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa ông Q và bà N không hàn gắn được. Hiện ông Q không còn tình cảm với bà N, hiện đã sống ly thân từ năm 2022 cho tới nay, nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 02 người con chung là Nguyễn Thùy D, sinh năm 31/7/2015; Nguyễn Hoàng Anh Tr, sinh năm

04/03/2012, nếu ly hôn tôi yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 16/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị N trình bày:

Về hôn tình cảm: Không đồng ý ly hôn với ông Q. Tuy bà N và ông Q có nhiều mâu thuẫn và kéo dài, hiện đã sống ly thân đã lâu, tuy nhiên hiện bà N và ông Q chưa giải quyết được công nợ chung và tài sản chung nên bà N chưa đồng ý ly hôn với ông Q.

Về con chung: Trong thời gian chúng tôi có 02 người con chung là Nguyễn Thùy D, sinh năm 31/7/2015; Nguyễn Hoàng Anh Tr, sinh năm 04/03/2012, nếu ly hôn bà N yêu cầu nuôi hai con chung.

Về cấp dưỡng: Bà N yêu cầu ông Q cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/01 con chung.

Về tài sản: Bà N hiện đang làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung.

Tòa án công khai bản tự khai của con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh năm 31/7/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Anh Tr, sinh năm 04/03/2012. Nếu ông Q và bà N ly hôn thì ý kiến của hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ là bà N.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX, thư ký và các đương sự, đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án;

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Điều Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của ông Q. Ông Q được ly hôn với bà N.

Về con chung: Đề nghị HĐXX xem xét giao cháu Nguyễn Thùy D, sinh năm 31/7/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Anh Tr, sinh năm 04/03/2012 cho bà N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án ông Q và bà N không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản nên không đề, cập xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Quanh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án

tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Ông Q và bà N chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn ông Q và bà N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q và bà N bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, thương xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa ông Q và bà N không hàn gắn được. Hiện ông Q và bà N đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án ông Q và bà N đều thừa nhận hiện hai người đang có mâu thuẫn và không hàn gắn được. Tuy nhiên bà N không đồng ý ly hôn vì cho rằng giữa hai người chưa giải quyết xong phân chia về tài sản, xét thấy đây là quan hệ về tài sản không liên quan đến quan hệ về tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho bà về quyền được yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này. Tuy nhiên, bà N không có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản. Nếu sau này bà N có yêu cầu phân chia tài sản chung và công nợ chung thì tòa án sẽ giải quyết trong vụ án khác.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Q và bà N đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, không còn yêu thương, quý trọng nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông Q là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân gia đình, nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông Q và bà N có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh năm 31/7/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Anh Tr, sinh năm 04/03/2012. Nếu ly hôn ông Q và bà N đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xét điều kiện thức tế cũng như thuận lợi cho con được nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập để hai cháu có đủ điều kiện phát triển bình thường thì bà N có điều kiện nuôi con hơn ông Q. Vì hiện các con chung đang còn nhỏ, từ khi phát sinh mâu thuẫn bà N đang là người trực tiếp nuôi các con chung. Quá trình giải quyết vụ án thì cháu D, Tr đều có nguyện vọng được sống cùng với bà N. Nên cần giao cháu D, Tr cho bà N nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà N là người trực tiếp nuôi hai con chung nên xét yêu cầu cấp dưỡng của bà N yêu cầu ông Q cấp dưỡng để nuôi các con chung là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Q và bà N không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Điều Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Hoàng Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy D, sinh năm 31/7/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Anh Tr, sinh năm 04/03/2012 cho bà Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Hoàng Thị N để nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng/02 con chung đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

4. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0011606 ngày 25/9/2023 và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã Ea T; (số 15/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Cường